TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **36**/2017/DS-ST
Ngày: 08/12/2017

"V/v tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Tình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Quang Sơn và ông Phạm Hữu Ái

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Phú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Quý – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/9/2017 và ngày 08/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2016/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2016, về "Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2017/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2017/QĐST-DS ngày 15/8/2017; Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 13/2017/QĐST-DS ngày 15/9/2017 và Thông báo tiếp tục phiên tòa số 23/2017/TB-TA ngày 14/11/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm: 1980.

Bị đơn: Ông Lê Thanh H, sinh năm: 1976.

Cùng địa chỉ: Khu phố X, thị trấn T.M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tổ X, khu phố Đ.B, phường V.H, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1977;

- Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Thôn V.T, xã C.A.N, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

Tại phiên tòa có mặt bà Nguyễn Thị Lệ H; vắng mặt: Ông Lê Thanh H, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2016 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Lệ H trình bày:

Bà và ông Lê Thanh H tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 1996 nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tân Minh, huyện Hàm Tân. Năm 2012, bà và ông H ly hôn (*tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 24/2012/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2012)* nhưng không chia tài sản chung và nợ chung. Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông H đã tạo lập được khối tài sản chung gồm: Thửa đất có diện tích 305m^2, tọa lạc tại khu phố X, thị trấn T.M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận và 01 căn nhà cấp 4 gắn liền với đất *(Hiện chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở)*; Thửa đất tọa lạc tại thôn 5, xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận đã được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 803225 ngày 25/3/2002; đồng thời trong thời kỳ hôn nhân ông bà có vay của Ngân hàng 50.000.000 đồng, khoản nợ này ông H đã trả sau khi ly hôn.

Do không thể tự thỏa thuận phân chia số tài sản trên nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án chia đôi dố tài sản chung đã tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân, bà có nguyện vọng được nhận thửa đất có diện tích là 305m^2, tọa lạc tại khu phố X, thị trấn T.M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận và 01 căn nhà cấp 4 gắn liền với đất; ông H được nhận thửa đất tọa lạc tại thôn 5, xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận đã được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 803225 ngày 25/3/2002.

Theo hồ sơ vụ án ông Lê Thanh H trình bày:

Ông thống nhất với bà Nguyễn Thị Lệ H về khối tài sản chung và nợ chung mà ông và bà H đã tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân gồm: Thửa đất có diện tích 305m^2, tọa lạc tại khu phố X, thị trấn T.M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận và 01 căn nhà cấp 4 gắn liền với đất và khoản nợ 50.000.000 đồng vay của Ngân hàng *(khoản nợ này ông H đã trả sau khi ly hôn)*. Ông đề nghị Tòa án chia đôi khối tài sản này và yêu cầu bà H trả ½ số nợ chung mà ông đã thanh toán thay cho bà H sau khi ly hôn.

Đối với thửa đất tọa lạc tại thôn 5, xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận đã được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 803225 ngày 25/3/2002 là tài sản riêng của ông, ông cho rằng diện tích đất này là do ông dùng số tiền bán đất do cha của ông cho riêng ông để mua nên ông không đồng ý chia.

Theo hồ sơ vụ án ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Vào năm 2003, ông bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Trung Hải và bà Nguyễn Thị Sen một thửa đất tọa lạc tại khu dân cư Cây Cày, thuộc khu phố X, thị trấn T.M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Sau đó ông bà đã chuyển nhượng lại thửa đất này cho ông H và bà H, việc chuyển nhượng này đã hoàn tất, ông bà đã nhận đầy đủ tiền và giao đất cùng tài sản gắn liền với đất cho ông H và bà H trong năm 2007; ông bà cho rằng hiện không còn liên quan đến tài sản này nữa nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà H và từ chối tham gia tố tụng.

Bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên được xem là từ bỏ quyền chúng minh của mình đối với vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 117/2016/TLST-DS ngày 27/4/2016 đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và bà Nguyễn Thị Lệ H đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn từ chối tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử là đúng quy định.

- Về nội dung vụ án:

Ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị Lệ H chung sống với nhau từ năm 1996, đến năm 2002 ông H và bà H thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tân Minh, huyện Hàm Tân. Năm 2012, bà H và ông H ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 24/2012/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2012 nhưng không chia tài sản chung và nợ chung. Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia khối tài sản chung gồm: Căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất có diện tích 305m^2, tọa lạc tại khu phố X, thị trấn T.M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận và Thửa đất tọa lạc tại thôn 5, xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp Giấy CNQSD đất số U 803225 ngày 25/3/2002 sau khi khấu trừ khoản nợ chung là 50.000.000 đồng vay của Ngân hàng *(khoản nợ này ông H đã trả sau khi ly hôn).*

Quá trình giải quyết vụ án, ông H thừa nhận khối tài sản chung là căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất có diện tích 305m^2, tọa lạc tại khu phố X, thị trấn T.M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận và khoản nợ chung là 50.000.000 đồng vay của Ngân hàng trong thời kỳ hôn nhân, khoản nợ này ông H đã trả sau khi ly hôn. Ông H không thừa nhận Thửa đất tọa lạc tại thôn 5, xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp Giấy CNQSD đất số U 803225 ngày

25/3/2002 là tài sản chung mà cho rằng đây là tài sản riêng của ông Lê Thanh H nhưng ông không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh đây là tài sản riêng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ H phân chia khối tài sản chung là căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất có diện tích 305m^2, tọa lạc tại khu phố X, thị trấn T.M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận và Thửa đất tọa lạc tại thôn 5, xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp Giấy CNQSD đất số U 803225 ngày 25/3/2002 cùng khoản nợ chung là 50.000.000 đồng vay của Ngân hàng. Giao thửa đất có diện tích 305m^2, tọa lạc tại khu phố X, thị trấn T.M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận và 01 căn nhà cấp 4 gắn liền với đất cho bà Nguyễn Thị Lệ H, giao thửa đất tọa lạc tại thôn 5, xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp Giấy CNQSD đất số U 803225 ngày 25/3/2002 cho ông Lê Thanh H. Căn cứ vào kết quả định giá của Hội đồng định giá thực hiện vào ngày 17/8/2016, sau khi khấu trừ đi số tiền 50.000.000 đồng nợ chung mà ông H đã trả sau khi ly hôn thì bà H phải thanh toán tiền chênh lệch về giá trịnh tài sản cho ông H với số tiền là 1.762.400 đồng. Các đương sự phải chịu án phí theo phần giá trị tài sản được nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Lệ H khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của bà H và ông Lê Thanh H tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân nhưng chưa phân chia khi ly hôn. Ngày 27/4/2016, khi tiến hành thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp về quyền sở hữu tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Bộ luật Tố tụng dân sự 2004, được sửa đổi bổ sung năm 2011. Ngày 01/7/2016, Bộ luật Tố dụng dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật và khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 103/2015/QH13 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định "*Đối với vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động đã được Tòa án thụ lý trước ngày 01/7/2016 nhưng kể từ ngày 01/7/2016 mới giải quyết theo thủ tục sơ thẩm thì áp dụng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để giải quyết*". Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Ông Lê Thanh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 1, thị trấn Tân Minh, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận nhưng cư trú tại khu phố X, thị trấn T.M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận nên Hội đồng xét xử xác định địa chỉ cư trú của ông Lê Thanh H là khu phố X, thị trấn T.M. Tài sản trong quan hệ tranh chấp là bất

động sản tọa lạc tại khu phố X, thị trấn T.M và thôn 5, xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/10/2016, ông Lê Thanh H trình bày "*Vì ông H đi đang làm ở xa nên ông H ủy quyền cho em của ông H là ông Lê Thanh Cường, sinh năm 1978, thường trú tại khu phố 1, thị trấn Tân Minh, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận"* nhưng không cung cấp cho Tòa án giấy ủy quyền hợp lệ, cũng không cung cấp địa chỉ mới nên Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân không xác định ông Lê Thanh Cường là người đại diện hợp pháp của ông H, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không cung cấp bản tự khai, không đến Tòa án theo triệu tập nên được xem là từ bỏ quyền của mình; ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn từ chối tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định.

- Nội dung vụ án:

Ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị Lệ H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tân Minh, huyện Hàm Tân vào năm 2002. Năm 2012, bà H và ông H ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 24/2012/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2012 nhưng không chia tài sản chung và nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Lệ H cho rằng trong thời kỳ hôn nhân, ông H và bà H có tạo lập được khối tài sản chung và nợ chung gồm: Thửa đất có diện tích 305m^2, tọa lạc tại khu phố X, thị trấn T.M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận và 01 căn nhà cấp 4 gắn liền với đất *(Hiện chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở)*; Thửa đất tọa lạc tại thôn 5, xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 803225 ngày 25/3/2002, trên đất có 01 căn nhà tạm. Do không thể tự thỏa thuận phân chia nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản sau khi trừ nợ khoản chung 50.000.000 đồng vay của Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Thanh H thống nhất khối tài sản chung là căn nhà cấp 4 có diện tích 57,6m^2 gắn liền với thửa đất có diện tích 305m^2, tọa lạc tại khu phố X, thị trấn T.M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận *(diện tích đất này chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy CNQSD đất và Quyền sở hữu nhà nhưng được Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Minh, huyện Hàm Tân xác nhận theo đơn xin xác nhận của bà Nguyễn Thị Lệ H là do ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị Lệ H nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Tuấn và bà Nguyễn Thanh H),* 03 con bò và nợ chung là 50.000.000 đồng mà ông H đã trả sau khi ly hôn. Do vậy, phần tài sản chung là căn nhà cấp 4 gắn liền thửa đất có diện tích 305m^2, tọa lạc tại khu phố X, thị trấn T.M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận và nợ chung 50.000.000 đồng mà ông H

đã trả tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Hàm Tân là có căn cứ và không cần phải chứng minh.

Đối với thửa đất tọa lạc tại thôn 5, xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp Giấy CNQSD đất số U 803225 ngày 25/3/2002, trên đất có 01 căn nhà tạm. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Biên bản hòa giải lập ngày 10/5/2016, ông H trình bày nguồn gốc tài sản là do ông H dùng tiền có được từ việc bán đất của cha ông H *(là ông Lê Khoa)* cho riêng ông để mua nên đây là tài sản riêng của ông nhưng ông không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án bà H cho rằng, trong thời kỳ hôn nhân bà và ông H có nhận chuyển nhượng của ông Lê Khoa, ông Huỳnh Văn Tiềm, ông Lương Thiện Thành với tổng diện tích khoảng 2,43ha đất, đến năm 2008 bà và ông H bán toàn bộ diện tích đất này để chữa bệnh, trả nợ và mua 02 thửa đất tại xã Tân Đức và Tân Minh; tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/10/2016, ông Lê Khoa xác định diện tích đất này ông Khoa đã cho ông H và bà H trong thời kỳ hôn nhân; ông Huỳnh Văn Tiềm xác định ông có bán cho bà H và ông H khoảng 06 sào đất giáp ranh với đất ông Lê Khoa; ông Lương Thiện Thành cũng xác định có bán cho ông H, bà H một thửa đất khoảng 1,3 sào, thửa đất này nằm giữa đất của ông H, bà H; như vậy lời khai của ông Khoa, ông Tiềm và ông Thành phù hợp với lời trình bày của bà H. Mặt khác, khi ông H nhận chuyển nhượng diện tích đất trên của bà Nguyễn Thị N theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 22/HĐCN, được Ủy ban nhân dân xã Tân Đức công chứng vào ngày 01/4/2008, được điều chỉnh sang tên trên Giấy CNQSD đất số U 803225 vào ngày 10/4/2008, thì tất cả quá trình này được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân với bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác và vắng mặt tại phiên tòa được xem là từ bỏ quyền chứng minh. Như vậy đã đủ căn cứ xác định đây là tài sản chung của ông H và bà H tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2000 *(nay là khoản 1, khoản 3 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình 2014)*. Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản cùng ngày 17/8/2016, thể hiện trên thửa đất này có 01 căn nhà tạm nhưng không còn giá trị sử dụng và nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Lệ H có nguyện vọng giao thửa đất này cho ông H và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với căn nhà tạm này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 10/5/2016, ông H trình bày trong quá trình sống chung, ông H và bà H có mua 02 con bò với giá 50.000.000 đồng nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/10/2016, ông H xác định tài sản chung có 03 con bò và không lý giải tại sao có sự chênh lệch này, ông H cũng xác nhận ông có bán một con bò giá 10.000.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2016, bà H cho rằng *"về tài sản 03 con bò, sau khi ly hôn ông H đã bán 01 con bò và dùng tiền đó để tiêu dùng cá nhân, còn 02 con bò còn lại một mình tôi chăm sóc và nuôi dưỡng rồi bán, do bán qua lái buôn nên tôi không biết danh tính của người mua. Đây là tài sản đã phân chia giữa tôi và ông H nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết, trường hợp ông*

H cho rằng đây là tài sản chung chưa chia thì có quyền khởi kiện ở vụ án khác, trong vụ này, tôi không xác định đây là tài sản chung". Tại Biên bản lấy lời khai lập ngày 07/10/2016, ông H đề nghị Tòa án chia khối tài sản chung và nợ chung trong đó có 03 con bò nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đây là tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nhưng chưa chia là không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 "*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ"*. Ông H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án theo yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu xác định 03 con bò là tài sản chung chưa chia của ông H và bà H. Ông H có quyền khởi kiện trong một vụ án khác để yêu cầu Tòa án xác định 03 con bò là tài sản chung và phân chia theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xác định khối tài sản chung của bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Lê Thanh H là căn nhà cấp 4 có diện tích 57,6m^2 gắn liền với thửa đất số 29, tờ bản đồ số 07 có diện tích 305m^2, tọa lạc tại khu phố X, thị trấn T.M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận *(Hiện chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở)* và thửa đất số 80a, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại thôn 5, xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận đã được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp Giấy CNQSD đất số U 803225 ngày 25/3/2002. Khoản nợ chung là 50.000.000 đồng vay của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận *(khoản nợ này ông H đã trả sau khi ly hôn)*.

Bà Nguyễn Thị Lệ H có nguyện vọng được nhận căn nhà cấp 4, diện tích 57,6m^2 gắn liền thửa đất số 29, tờ bản đồ số 07 có diện tích 305m^2, tọa lạc tại khu phố X, thị trấn T.M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận; giao Thửa đất số 80a, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại thôn 5, xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận đã được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp Giấy CNQSD đất số U 803225 ngày 25/3/2002 cho ông Lê Thanh H, ông H có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch cho bà H. Xét nguyện vọng của bà H là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 17/8/2016, đã xác định căn nhà và 02 thửa đất này có tổng giá trị là 353.524.800 đồng (*Ba trăm năm mươi ba triệu trăm năm hai mươi bốn ngàn tám trăm đồng*); ông H và bà H thống nhất với kết quả định giá nên Hội đồng xét xử phân chia tài sản theo kết quả định giá này. Như vậy, sau khi trừ đi khoản nợ 50.000.000 đồng thì giá trị tài sản chung còn lại của bà H và ông H là 303.524.800 đồng (*Ba trăm lẽ ba triệu trăm năm hai mươi bốn ngàn tám trăm đồng*) nên bà H và ông H mỗi người được nhận phần tài sản có giá trị tương đương là 151.762.400 đồng

Trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện nhu cầu, mục đích sử dụng, ý chí của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, căn cứ vào

kết quả định giá, Hội đồng xét xử xác định giá trị tài sản thấy cần phải phân chia khối tài sản chung của ông H và bà H như sau:

- Bà Nguyễn Thị Lệ H được nhận căn nhà cấp 4 có diện tích 57,6m^2 gắn liền với thửa đất số 29, tờ bản đồ số 07 có diện tích 305m^2, tọa lạc tại khu phố X, thị trấn T.M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận; số tài sản này có giá trị là 153.524.800 đồng**.**

- Ông Lê Thanh H được quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 80a, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại thôn 5, xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận đã được UBND huyện Hàm Tân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 803225 ngày 25/3/2002; số tài sản này có giá trị là 200.000.000 đồng.

Do ông Lê Thanh H được nhận tài sản có giá trị cao hơn nên phải thanh toán khoản tiền chênh lệch cho bà H là 23.237.600 đồng. Sau khi ly hôn ông Lê Thanh H đã thanh toán khoản nợ 50.000.000 đồng cho ngân hàng và bà H đồng ý trả lại cho ông H 25.000.000 đồng nên bà H phải có trách nhiệm hoàn lại cho ông Lê Thanh H 1.762.400 đồng *(25.000.000đ - 23.237.600đ = 1.762.400đ)*.

Về lệ phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Lệ H đồng ý chịu toàn bộ lệ phí tố tụng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2000;

- Điều 35 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ H về việc chia tài sản chung.

- Bà Nguyễn Thị Lệ H được quyền sở hữu, sử dụng căn nhà cấp 4 có diện tích 57,6m^2 gắn liền với thửa đất số 29, tờ bản đồ số 07 có diện tích 305m^2, tọa lạc tại khu phố X, thị trấn T.M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận *(Có bản đồ trích đo kèm theo).*

- Ông Lê Thanh H được quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 80a, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại thôn 5, xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận đã được Ủy ban

nhân dân huyện Hàm Tân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 803225 ngày 25/3/2002;

Bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Lê Thanh H có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản.

Bà Nguyễn Thị Lệ H có trách nhiệm hoàn lại cho ông Lê Thanh H 1.762.400 đồng (*Một triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn bốn trăm đồng*) tiền chênh lệch chia tài sản chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật *(đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án)* hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án *(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)* cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Lệ H phải chịu 7.588.000 đồng (*bảy triệu năm trăm tám mươi tám ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân theo Biên lai số 0005392 ngày 27 tháng 4 năm 2016, bà Nguyễn Thị Lệ H còn phải nộp thêm 2.588.000 đồng (*Hai triệu năm trăm tám mươi tám ngàn đồng*).

- Ông Lê Thanh H phải chịu 7.588.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm tám mươi tám ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Tình